

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG**  
Số: 2603/HĐTC

- 1/6

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thi công hạng mục phá dỡ, xây trát, ốp lát tại Văn phòng MobiFone thành phố Hải Phòng, số 332 Ngô Gia Tự, Đằng Giang, Hải An, thành phố Hải Phòng.

**Điều 2: Giá trị hợp đồng và hạng mục công việc**

| STT | Hạng mục công việc                                                                                             | Thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------|-----------|------------|
| 1   | Tháo dỡ cửa bằng thủ công                                                                                      |                   | m2          | 72,302     | 10.000    | 723.020    |
| 2   | Tháo dỡ trần thạch cao                                                                                         |                   | m2          | 280,704    | 15.000    | 4.210.560  |
| 3   | Tháo dỡ vách thạch cao ở tầng 1                                                                                |                   | m2          | 68,085     | 25.000    | 1.702.125  |
| 4   | Tháo thảm trải sàn ở tầng 2                                                                                    |                   | m2          | 130,40     | 25.000    | 3.260.000  |
| 5   | Phá dỡ sàn, mái bê tông cốt thép ở phòng máy 2                                                                 |                   | m3          | 8,315      | 1.300.000 | 10.809.500 |
| 6   | Phá dỡ bậc lên xuống xây bằng gạch ở phòng máy 2                                                               |                   | m3          | 0,662      | 400.000   | 264.800    |
| 7   | Phá dỡ tường xây gạch dày 11cm                                                                                 |                   | m3          | 31,031     | 250.000   | 7.757.750  |
| 8   | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí                                                                                 |                   | bộ          | 2,0        | 35.000    | 70.000     |
| 9   | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa                                                                              |                   | bộ          | 2,0        | 25.000    | 50.000     |
| 10  | Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, ...)                   |                   | bộ          | 4,0        | 7.000     | 28.000     |
| 11  | Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW: Đục nền sau nhà làm đường lên xuống xe máy |                   | m3          | 2,825      | 400.000   | 1.130.000  |

|    |                                                                                                      |                               |      |         |         |            |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------|---------|---------|------------|
| 12 | Phá dỡ nền gạch ceramic                                                                              |                               | m2   | 550,420 | 15.000  | 8.256.300  |
| 13 | Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW: Đục nền cải tạo nhà vệ sinh         |                               | m3   | 0,974   | 500.000 | 487.000    |
| 14 | Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt tường, trần trong nhà                                                     |                               | m2   | 623,152 | 20.000  | 12.463.040 |
| 15 | Tháo dỡ tôn lấy sáng ở mái vòm cong ở mặt tiền                                                       |                               | m2   | 41,820  | 20.000  | 836.400    |
| 16 | Tháo dỡ bộ chữ mặt tiền KT: 6,5*0,9 (m) trên mặt tiền tầng 6                                         |                               | công | 2,0     | 500.000 | 1.000.000  |
| 17 | Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ                                                                          |                               | cái  | 19,0    | 150.000 | 2.850.000  |
| 18 | Tháo dỡ, xử lý hệ thống máng cáp, dây cáp viễn thông và các thiết bị phụ kèm trên trần ở tầng 1, 4,5 |                               | m    | 200,0   | 150.000 | 30.000.000 |
| 19 | Cạo sơn mặt tiền và tường cổng mặt tiền                                                              |                               | m2   | 232,381 | 20.000  | 4.647.620  |
| 20 | Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 0,5T                                             |                               | m3   | 68,350  | 60.000  | 4.101.000  |
| 21 | Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 0,5T                                                      |                               | m3   | 68,350  | 400.000 | 27.340.000 |
|    | * Cải tạo, sửa chữa                                                                                  |                               |      |         |         |            |
| 22 | Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, tường gạch dày 110mm, vữa XM mác 75, PCB40                        | Gạch đất sét nung 6,5x10,5x22 | m3   | 6,195   | 800.000 | 4.956.000  |
| 23 | Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, tường gạch dày 220mm, vữa XM mác 75, PCB40                        | Gạch đất sét nung 6,5x10,5x22 | m3   | 5,757   | 800.000 | 4.605.600  |

|    |                                                                                                   |                                    |    |         |         |                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----|---------|---------|--------------------|
| 24 | Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75, PCB40                                           | Vữa XM M75                         | m2 | 166,510 | 90.000  | 14.985.900         |
| 25 | Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75, PCB40                                            | Vữa XM M75                         | m2 | 3,550   | 100.000 | 355.000            |
| 26 | Quét dung dịch chống thấm nền nhà vệ sinh trước khi láng, vén lên thành tường mỗi bên 5cm         | Dung dịch chống thấm Sika Latex 5L | m2 | 26,043  | 250.000 | 6.510.750          |
| 27 | Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, PCB40                                     | Vữa XM M75                         | m2 | 20,560  | 50.000  | 1.028.000          |
| 28 | Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 600x600mm, vữa XM M75, PCB40                                     |                                    | m2 | 536,270 | 70.000  | 37.538.900         |
| 29 | Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 300x600mm, vữa XM M75, PCB40                                     |                                    | m2 | 20,560  | 60.000  | 1.233.600          |
| 30 | Ốp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện 300x600mm, vữa XM M75, PCB40                               |                                    | m2 | 105,166 | 100.000 | 10.516.600         |
| 31 | Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM M75, PCB40: Láng xi măng dốc lên xuống sau nhà | Vữa XM M75                         | m2 | 11,904  | 50.000  | 595.200            |
| 32 | Thi công sơn chống trơn trượt lối phía sau                                                        |                                    | m2 | 11,904  | 250.000 | 2.976.000          |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                       |                                    |    |         |         | <b>207.288.665</b> |
|    | <b>Thuế 8%</b>                                                                                    |                                    |    |         |         | <b>16.583.093</b>  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                  |                                    |    |         |         | <b>223.871.758</b> |

**Bảng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng./.**

### **Điều 3: Hình thức tạm ứng, thanh toán**

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt
- Lần 1: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền là : **25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn)** ngay sau khi ký hợp đồng.
- Lần 2: Sau khi bên B hoàn thiện 100% khối lượng tạm tính theo hợp đồng bên A tạm ứng tiếp cho bên B đến 70% giá trị của hợp đồng.
- Lần 3: Thanh toán hết đến 100% giá trị của hợp đồng theo khối lượng nghiệm thu sau khi hai bên nghiệm thu và xác nhận khối lượng hoàn thành, có xác nhận bằng biên bản có chữ ký của kỹ thuật bên A (bên giao khoán) phụ trách trong vòng 15 ngày.
- Khối lượng công việc hoàn thành được xác định trên cơ sở khối lượng mà bên giao thi công đã đồng ý nghiệm thu..
- Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công trình hai bên sẽ nghiệm thu khối lượng thực tế (khối lượng công việc thực hiện theo hợp đồng và khối lượng phát sinh(nếu có).

### **Điều 4: Tiến độ thi công**

Thời gian thi công : 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên.**

#### **Bên A:**

- Chịu trách nhiệm bố trí mặt bằng thi công, bàn giao tim, cốt, vật tư tạo điều kiện thuận lợi để bên B thi công.
- Hỗ trợ bên B làm thủ tục đăng ký tạm trú tạm vắng.
- Cung cấp lán trại, điện nước phục vụ sinh hoạt và thi công cho phía bên B.
- Cử cán bộ kỹ thuật chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật, giám sát, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B cố tình vi phạm thi công không đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.
- Bên A có quyền đình chỉ thi công khi thấy có dấu hiệu mất an toàn lao động.
- Thanh toán cho phía bên B theo đúng điều 3 của hợp đồng.

#### **Bên B:**

- Chủ động bố trí nhân lực.
- Cam kết mua 100% bảo hiểm tai nạn cho thợ đến thi công tại công trình. Cung cấp danh sách thợ thi công cho bên A, nếu thay đổi phải báo Công ty mua bổ sung bảo hiểm nhưng không được thay đổi danh sách đội thợ thi công quá 2 lần trong hợp đồng.
- Đảm bảo chất lượng, tiến độ theo đúng cam kết với bên A.
- Cung cấp đầy đủ giấy tờ tùy thân bên A phục vụ công tác an toàn lao động và cấp thẻ ra vào công trường.
- Chịu sự hướng dẫn kỹ thuật của cán bộ kỹ thuật bên A, thi công theo đúng bản vẽ thiết kế mà bên A cung cấp, nếu có thay đổi gì phải báo cho bên A và phải có sự đồng ý của bên A thì mới được thi công tiếp. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh do mình thi công không đảm bảo chất lượng, tiến độ và xác nhận chi phí phát sinh trừ vào các đợt thanh toán.
- Công nhân phải được huấn luyện biện pháp an toàn lao động, an toàn kỹ thuật phòng cháy chữa cháy xong thì mới bố trí làm việc, khi có công nhân mới đến làm việc phải báo ngay với bên A để có kế hoạch huấn luyện và cấp thẻ.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị máy móc để thuận lợi phục vụ cho thi công

- Công nhân làm việc trên công trường chịu trách nhiệm về an ninh trật tự trong khu vực ở và nơi làm việc.
- Mang đầy đủ bảo hộ lao động đảm bảo an toàn trong lao động, phù hợp với tính chất công việc thi công theo quy định.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về con người, tài sản của tổ mình quản lý và toàn bộ kinh phí khi xảy ra mất an toàn lao động. Không được gây gổ đánh nhau gây mất trật tự trong công trường và nơi ở nếu xảy ra mất trật tự thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng – Giá trị đã thanh toán đến thời điểm chấm dứt hợp đồng coi như là giá trị thanh lý hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp hoá đơn giá trị gia tăng cho bên A tương ứng với khối lượng đã được hai bên ký xác nhận

**Điều 6: Bảo hành:**

- Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình ngay sau khi bàn giao cho bên A. Việc bảo hành công trình được quy định như sau:
  - + Bảo hành bảo dưỡng trong các trường hợp: do lỗi thi công
  - + Trong thời gian và phạm vi bảo hành, nhà thầu phải khắc phục sự cố trong vòng không quá 48 tiếng kể từ khi nhận được thông báo hư hỏng của chủ đầu tư (kể cả ngày lễ và chủ nhật).
  - + Thời hạn bảo hành công trình là 01 năm tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng.

**Điều 7: Điều khoản chung:**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi hai bên ký kết và bên B nhận được tạm ứng của bên A.

Hợp đồng tự động thanh lý kết thúc sau khi hai bên hoàn thành xong các nghĩa vụ của mình.

Hai bên cùng cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng đã ký trên tinh thần hợp tác, bình đẳng. Mọi ý kiến đơn phương đều không có giá trị. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**